

53. Xã Sơn Tịnh

Dvt: Nghìn đồng/m²

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
I	Khu vực 1:				
1	Đất mặt tiền đường bờ Bắc Sông Trà đoạn thuộc xã Tịnh Hà cũ	2	9.180	3.672	2.754
2	Đất mặt tiền đường dẫn Cầu Thạch Bích	2	9.180	3.672	2.754
3	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 24B đoạn từ ranh giới phường Trương Quang Trọng đến cầu Bà Mẹo	4	5.040	2.016	1.512
4	Đất mặt tiền đường dẫn Cầu Trà Khúc 3 (nay là cầu Phước Lộc)	4	5.040	2.016	1.512
5	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 622C (Hàng Gia - Vĩnh Tuy) đoạn từ Trường Tiểu học số 2 mới đến Cây Lim (xã Tịnh Bình cũ)	6	3.920	1.568	1.176
6	Đất mặt tiền đường ngã 5 Chợ Đình đến hết quán Cà phê Ngọc Diệp (xã Tịnh Bình cũ)	6	3.920	1.568	1.176
7	Đất mặt tiền đường Chợ Mới - Chợ Đình đoạn ngã 5 Chợ Đình đến Trạm xá (xã Tịnh Bình cũ)	6	3.920	1.568	1.176
8	Đất mặt tiền đường Phước Lộc - Chợ Đình đoạn cách ngã 5 Chợ Đình không quá 100m (xã Tịnh Bình cũ)	6	3.920	1.568	1.176
II	Khu vực 2:				
1	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 24B đoạn còn lại	1	3.360	1.344	1.008
2	Đường N6 thuộc khu dân cư OM6 và đường N12 thuộc khu dân cư Đồng Miếu	1	3.360	1.344	1.008
3	Đất mặt tiền đường gom khu dân cư Đồng Phú	1	3.360	1.344	1.008
4	Đất mặt tiền đường trục chính Nam - Bắc	1	3.360	1.344	1.008
5	Đất mặt tiền đường D9	1	3.360	1.344	1.008
6	Đất mặt tiền đường N12 thuộc Khu dân cư Đồng Miếu	1	3.360	1.344	1.008
7	Đất mặt tiền đường số 1 thuộc điểm dân cư Tân Bình đội 9	1	3.360	1.344	1.008
8	Đất mặt tiền đường gom song song với đường QL24B thuộc khu dân cư OM6	1	3.360	1.344	1.008
9	Đất mặt tiền đường gom và đường nội bộ thuộc Khu dân cư Đồng Trược	2	2.800	1.120	840
10	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ Khu dân cư Đồng Phú	2	2.800	1.120	840
11	Đất mặt tiền đường nội bộ khu dân cư Đồng Miếu	2	2.800	1.120	840
12	Đất mặt tiền đường nội bộ khu dân cư Nam - Bắc Góc Gáo	2	2.800	1.120	840
13	Đất mặt tiền đường D10 thuộc khu dân cư OM12	2	2.800	1.120	840
14	Đất mặt tiền đường D7	3	2.580	1.032	774
15	Đất mặt tiền đường N9	3	2.580	1.032	774
16	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ còn lại thuộc Khu dân cư OM6, OM12	3	2.580	1.032	774
17	Đất mặt tiền Kè bờ Bắc sông Trà Khúc đoạn qua thôn Thọ Lộc Tây, Ngăn Giang và Hà Tây	3	2.580	1.032	774
18	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu dân cư OM9, OM10 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (cũ)	3	2.580	1.032	774
19	Đất mặt tiền đường Phước Lộc - Chợ Đình (Đoạn từ ngã 4 Phước Lộc đến cổng chào xóm 12) (xã Tịnh Sơn cũ)	3	2.580	1.032	774
20	Đất mặt tiền đường bờ kè đoạn từ Ngõ ông Lê Văn Nở - Giáp ranh giới xã Tịnh Hà (cũ)	3	2.580	1.032	774
21	Đất mặt tiền đường Chợ Đình nối dài đoạn từ quán Cà phê Ngọc Diệp đến ngã 3 Châu Trung (xã Tịnh Bình cũ)	3	2.580	1.032	774

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
22	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ thuộc Khu dân cư Chợ Đình (xã Tịnh Bình cũ)	3	2.580	1.032	774
23	Đất mặt tiền đường Tịnh Hà -Tĩnh Bắc đoạn còn lại thuộc xã Sơn Tịnh	4	2.240	896	672
24	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách Quốc lộ 24B không quá 100m thuộc tuyến đường đi, Hà Nhai, Hà Giang - Tịnh Thọ (xã Tịnh Hà cũ)	4	2.240	896	672
25	Đất mặt tiền Kè bờ Bắc sông Trà Khúc đoạn còn lại qua thôn Hà Tây (thuộc Dự án huyện)	4	2.240	896	672
26	Đất mặt tiền đường Phước Lộc - Chợ Đình đoạn còn lại	4	2.240	896	672
27	Đất mặt tiền đường Chợ Mới - Chợ Đình đoạn từ Trạm xá đến giáp QL24B	4	2.240	896	672
28	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách Quốc lộ 24B thuộc tuyến đường đi xóm Vạn đến kênh B6VC1	5	1.680	672	504
29	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ còn lại thuộc Điểm dân cư Cân Banh đội 9	5	1.680	672	504
30	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách Quốc lộ 24B không quá 100m đoạn từ ngã 4 Phước Lộc đến cầu Bến Bè	5	1.680	672	504
31	Đất mặt tiền khu vực ngã 4 Bình Nam (Điểm giao giữa đường Phước Lộc - Chợ Đình với đường Tịnh Hà - Tịnh Bắc) cách nút giao không quá 100m	5	1.680	672	504
III	Khu vực 3				
1	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách Quốc lộ 24B không quá 100m các đoạn còn lại thuộc xã Sơn Tịnh	1	1.340	536	402
2	Đất mặt tiền đường từ đoạn nối QL 24B đến hết khu dân cư đồng Cây Sung (thôn Ngân Giang)	1	1.340	536	402
3	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên đoạn từ ngã 3 Cầu Bàu đến ngã 3 đội 4 (Ngõ Văn Thỉnh)	1	1.340	536	402
4	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên đoạn nối Quốc lộ 24B (ngõ nhà bà Vạn) đến ngã 3 đội 10 (giáp đường Phước Lộc - Chợ Đình)	1	1.340	536	402
5	Đất mặt tiền đường tuyến bờ kè Vĩnh Phước; Trạm bơm chợ Tổng đến ngõ ông Đạo	1	1.340	536	402
6	Đất mặt tiền đường đoạn từ Trạm xá đến giáp đường Tịnh Hà -Tĩnh Bắc	1	1.340	536	402
7	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 622C (Hàng Gia - Vĩnh Tuy) đoạn còn lại thuộc xã Sơn Tịnh	1	1.340	536	402
8	Đất mặt tiền đường Chợ Mới - Chợ Đình - Phước Lộc, đường Chợ Đình nối dài đoạn còn lại thuộc xã Sơn Tịnh	1	1.340	536	402
9	Đất mặt tiền đường đoạn từ chùa Châu Quang đến ngã ba Châu Trung (xã Tịnh Bình cũ)	1	1.340	536	402
10	Đất mặt tiền đường nội thôn Thọ Lộc Đông, Thọ Lộc Tây rộng từ 3m trở lên nối và cách Quốc lộ 24B trên 100m	2	1.120	448	336
11	Đất mặt tiền đường nội thôn Thọ Lộc Bắc rộng từ 3m trở lên đoạn nối và cách Quốc lộ 24B trên 100m đến Gò Tre	2	1.120	448	336
12	Đất mặt tiền nội thôn Hà Nhai Nam từ KDC Đồng Cát đến cầu Bà Mưu	2	1.120	448	336
13	Đất mặt tiền đường liên thôn nối với tuyến Phước Lộc - Chợ Đình đến cầu Cửa Khâu (Lò Ngói) (xã Tịnh Sơn cũ)	2	1.120	448	336
14	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối Quốc lộ 24B đến cầu ông Mần (xã Tịnh Sơn cũ)	2	1.120	448	336
15	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối Quốc lộ 24B đến mỏ đá Ba Gia, đến Cầu Đá (đội 15) (xã Tịnh Sơn cũ)	2	1.120	448	336

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
16	Đất mặt tiền đường đoạn từ ngõ ông Thọ đến ngõ ông Trọng (xã Tịnh Sơn cũ)	2	1.120	448	336
17	Đất mặt tiền đường nội thôn Trường Xuân rộng từ 3m trở lên không thuộc các diện trên trừ Xóm Bàu	2	1.120	448	336
18	Đất mặt tiền đường nội thôn Thọ Lộc Tây rộng từ 3m trở lên đoạn từ Kênh B6-9 đến ngã 4 trong của Xóm An Khánh	2	1.120	448	336
19	Đất mặt tiền đường nội thôn Hà Nhai Nam, Hà Nhai Bắc rộng từ 3m đoạn từ Cầu Bà Mưu đến giáp xã Thọ Phong	3	900	360	270
20	Đất mặt tiền đường Hà Giang - Tịnh Thọ cách QL 24B đoạn còn lại	3	900	360	270
21	Đất mặt tiền đường nội thôn rộng từ 3m trở lên đoạn từ Hà Trung đến giáp phường Trương Quang Trọng	3	900	360	270
22	Đất mặt tiền đường nội thôn rộng từ 3m trở lên đoạn từ cầu Bà Mưu đến nhà ông Lê Văn Hồng	3	900	360	270
23	Đất mặt tiền nội thôn Thọ Lộc Tây đoạn từ ngã 3 Ba Lư xuống Trường Xuân và lên tới điểm sinh hoạt xóm 4	3	900	360	270
24	Đất mặt tiền đường đoạn từ thôn Bình Hiệp đến Tịnh Trà (xã Tịnh Bình cũ)	3	900	360	270
25	Đất mặt tiền đường nội thôn rộng từ 3m trở lên thuộc các thôn còn lại trên địa bàn xã Sơn Tịnh	3	900	360	270
26	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc các thôn rộng từ 2m đến 3m trên địa bàn xã không thuộc các diện trên	4	800	320	240
27	Các vị trí đất khác còn lại	5	560	224	168
IV	Khu vực 4: Không có				
V	Khu vực 5: Không có				
VI	Khu vực 6: Không có				